

Số: 109/2021/QĐST - HNGĐ

N, ngày 29 tháng 9 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 149/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N1, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2021;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N1 và anh Nguyễn Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N1 và anh Nguyễn Văn C.

- Về con: Chị N1 và anh C có 01 con chung là Nguyễn Văn Phúc T1, sinh ngày 03/8/2019. Chị N1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh C cấp dưỡng nuôi con hằng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời

điểm cấp dưỡng kể từ tháng 10/2021 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

Anh C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung: Chị N1 và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị N1 nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2019/0002462 ngày 10/8/2021. Trả lại cho chị N1 là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí. Anh C nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Lưu: HS, VT, Ha (11).

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Văn Tình